

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 87/2025/DS-PT
Ngày 16 tháng 4 năm 2025
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2025/QĐXX-PT ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1926 (chết năm 2020).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M gồm:

1.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà B, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 29/6/2023).

1.2 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

1.3 Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958; nơi cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964 và ông Nguyễn Văn Ê, sinh năm 1967; cùng cư trú: khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P: Ông Lê Hùng T1 là Luật sư Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số C đường H, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1955;

3.2. Ông Trần Văn K1, sinh năm 1961;

Cùng cư trú: Tổ E, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số I, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Trần Văn N1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ D, ấp L, xã L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông Nguyễn Hùng T2, sinh năm 1965;

3.6. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1967;

Cùng cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.7. Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

3.8. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1962;

3.9. Bà Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 1968;

3.10. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973;

3.11. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1978.;

3.12. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1981;

Cùng cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.13. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ B, ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

3.14. Ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.15. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp L, L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.16. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1983, nơi cư trú: Ấp L, xã L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.17. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1949; nơi cư trú: ấp L, L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn N2: Bà Huỳnh Thị T5, sinh năm 1954 (vợ ông N2); ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1977 (con ông N2), bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1979 (con ông N2); bà Nguyễn Thị Bé N5, sinh năm 1981 (con ông N2);

3.18. Bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1979.

3.19. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980.

3.20. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982.

3.21. Ông Nguyễn Văn H (N6), sinh năm 1986

3.22. Bà Nguyễn Thị Bích N7, sinh năm 1979.

3.23. Bà Trần Thị D, sinh năm 1958

Cùng cư trú: Tổ D, ấp L, xã L, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.22. Ông Nguyễn Văn M2, sinh năm 1956; nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.23. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960.

3.24. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1967.

Cùng cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.25. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.26. Bà Nguyễn Thị N8, sinh năm 1962, nơi cư trú: Khóm T, thị trấn T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.27. Bà Nguyễn Thị K3, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.28. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

3.29. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1963 (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ1: Bà Phạm Thị Diệu M3, sinh năm 1961 (vợ ông Đ1); ông Nguyễn Thành H2, sinh năm 1983 (con ông Đ1); ông Nguyễn Minh T6, sinh năm 1987; cùng cư trú: Tổ F, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

3.29. Ông Nguyễn Thành T7, sinh năm 1966

3.30. Bà Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1968

3.31. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1960

3.32. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973

Cùng cư trú: Hương lộ B, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn Ê và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N8, bà Nguyễn Thị L3.

(Ông, bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn Ê, Nguyễn Thị N8 và Luật sư Lê Hùng T1 có mặt; những người khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Cụ ông Nguyễn Văn N9 (chết trước năm 1975) và cụ bà Đinh Thị S1 (chết năm 1963), hai cụ có 05 người con gồm Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn M4, Nguyễn Văn E, Nguyễn Thị N10, Nguyễn Thị T8. Các cụ có tạo lập được hai phần đất, khi chết các cụ không để lại di chúc. Phần đất trên bờ do bà T8, bà N10 ở đã tranh chấp và được Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh An Giang giải quyết xong. Riêng phần đất dưới sông đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông M, ông M4 và ông E đang sử dụng. Phần đất có chiều ngang 20,7m, dài 127m, diện tích 2.628,9m²; qua đo đạc thực tế 2.416m² thuộc tờ bản đồ số 10, thửa 1, 2, 3 (thửa tạm), thửa 141, 113, 112, 12, 14, 15 loại đất ODT+CLN; tọa lạc tại Tổ F, đường T, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang.

Ông M cho rằng ông M4, ông E chiếm sử dụng 2/3 diện tích đất mặt tiền đường, ông chỉ sử dụng được 1/3 mặt tiền đường (là lối đi vào nhà). Khi ông M đăng ký quyền sử dụng đất thì bị gia đình ông M4, ông E ngăn cản. Ông M yêu cầu chia đều diện tích đất 2416m² thành 03 phần bằng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, ông M chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị V thay đổi yêu cầu khởi kiện từ “Tranh chấp chia di sản thừa kế” sang “Tranh chấp quyền sử dụng đất”; các ông bà yêu cầu được công nhận quyền sử dụng diện tích đất 909,1m² tại các điểm mĩa 4, 5, 7, 1, 8, 17, 18, 21, 25, 3 (gồm thửa tạm 1 diện tích 226,3m², thửa tạm 2 diện tích 204,7m², thửa tạm 3 diện tích 125,8 m², thửa 113 diện tích 222,3m², thửa 112 diện tích 130m²). Phần diện tích đất này, bà V, ông T đã sử dụng trên 30 năm nay. Đồng thời yêu cầu ông Ê, bà P di dời các cây trồng trên đất gồm có 24 cây chuối, 02 bụi tre, 07 cây dừa đi nơi khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P trình bày: Phần diện tích đất đang tranh chấp qua đo đạc thực tế 2.416m² có nguồn gốc của các cụ Nguyễn Văn N9 và cụ Đinh Thị S1 tạo lập. Sau khi các cụ chết, ông M, ông M4 và ông E có thỏa thuận ông M ở giữa khu đất, phần còn lại là của ông M4, ông E; các bên đã ở ổn định từ trước năm 1975 cho đến nay. Do đó, ông Ê, bà P không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn mà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp như hiện nay. Đồng thời, ông bà cũng thừa nhận, ông N9, bà S1 còn diện tích đất khác do bà Nguyễn Thị T8, bà Nguyễn Thị N10 ở đã tranh chấp và được Tòa án nhân dân 02 cấp tỉnh An Giang giải quyết xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L3, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị N8: Thống nhất lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P; đề nghị không chấp nhận yêu cầu của khởi kiện ông T, bà V, bà L; giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn Đ1, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Thành T7, bà Nguyễn Thị Thanh H3, bà Trần Thị D, ông Nguyễn Văn K2, ông Trần Văn N1, bà Nguyễn Thị Kim L1,

ông Nguyễn Hùng T2, bà Nguyễn Thị M5, ông Nguyễn Văn K2, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị Kim A có lời khai trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông N9, bà S1 để lại ông cho 03 người con trai là ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M4 và ông Nguyễn Văn E; mỗi người hưởng 01 phần bằng nhau, còn diện tích cụ thể thì không nắm rõ. Đối với diện tích đất tranh chấp này thì các ông, bà không yêu cầu chia và cũng không tranh chấp. Riêng phần đất đối diện còn lại, trước đây cụ N9, cụ S1 đã chia cho 02 người con gái là bà Nguyễn Thị T8 và bà Nguyễn Thị N10.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N2, ông Nguyễn Văn Đ1 gồm: bà Huỳnh Thị T5, ông Nguyễn Văn N3, bà Nguyễn Thị N4, bà Nguyễn Thị Bé N5, bà Phạm Thị Diệu M3, ông Nguyễn Thành H2, Nguyễn Minh T6 có lời khai trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà V, bà L. Công nhận cho các con của ông M quyền sử dụng đất với diện tích 909,1m² do có quá trình sử dụng đất trên 30 năm và các ông, bà xác định không tranh chấp đối với phần diện tích đất này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã T tuyên xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 158; Điều 160; Điều 163, Điều 164 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 101; Điều 166, Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 9 Điều 26; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L. Công nhận cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M sử dụng diện tích đất 909,1m² tại các điểm 4, 5, 7, 1, 17, 18, 21, 25, 3 gồm các thửa tạm 1 diện tích: 226,3m², thửa tạm 2 diện tích: 204,7m², thửa tạm 3 diện tích 125,8m², thửa 113 diện tích: 222,3m², thửa 112 diện tích 130 m², tọa lạc tại: Tổ F, T, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh T10 lập ngày 05/01/2024.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, ông bà Nguyễn Thị L liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được công nhận, theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P di dời 24 cây chuối, 02 bụi tre, 07 cây dừa trên diện tích đất của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị L được công nhận quyền sử dụng đất đi nơi khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P và ngày 12/12/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N8, bà Nguyễn Thị L3 cùng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N8 trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Hùng T1 - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Còn trường hợp chưa đủ cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy án sơ thẩm do bản án có nhiều sai phạm về thủ tục tố tụng. Thứ nhất, từ khi thụ lý cho đến giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, đây là vụ án tranh chấp về chia thừa kế nhưng tại phiên tòa sơ thẩm phía bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện thì Tòa án cấp sơ thẩm cho tạm ngừng phiên tòa và phía nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, việc phía bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu không được Tòa án thể hiện trong bản án. Thứ hai, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn M, sau khi ông M chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M đã thay đổi yêu cầu khởi kiện; tuy nhiên, yêu cầu này đã vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông M nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn chấp nhận là không đúng quy định. Còn về nội dung vụ án, thứ nhất, tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn cũng khẳng định chỉ yêu cầu được chia đều mỗi người 7m chiều ngang tiếp giáp mặt lộ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, tuyên án theo ý chí, quan điểm của Tòa án, vượt quá phần diện tích của nguyên đơn yêu cầu và phân chia giá trị tài sản không đồng đều giữa các bên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và chưa giải quyết lồi đi; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L3, bà Nguyễn Thị N8, ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 25/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã T. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các ông, bà Nguyễn Văn Ê, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị N8, Nguyễn Thị L3 kháng cáo trong hạn luật định và ông Ê, bà P, bà L3 nộp tạm ứng án phí đầy đủ, riêng bà N8 có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, chia đều phần diện tích đất 2.416m² thành 03 phần bằng nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia di sản thừa kế”. Sau khi ông M chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông M tại phiên tòa sơ thẩm đã thay đổi yêu cầu khởi kiện từ “Tranh chấp chia di sản thừa kế” sang “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi từ “Tranh chấp chia di sản thừa kế” sang “Tranh chấp quyền sử dụng đất” để công nhận diện tích 909,1m² cho nguyên đơn là xác định sai quan hệ tranh chấp, vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và chưa xem xét yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn. Ngoài ra, nếu trong trường hợp xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất” thì vụ án cũng chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Bên cạnh, theo Bản trích đo hiện trạng khu đất thể hiện trên phần đất diện tích 2.416m² là di sản do ông Nguyễn Văn N9 và bà Đinh Thị S1 để lại có căn nhà của anh Ngô Cẩm Q (con bà V) và căn nhà của chị Nguyễn Thị T9 (con ông Ê) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa hộ anh Q và hộ chị T9 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là thiếu sót.

[2.3] Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận cho nguyên đơn sử dụng diện tích 909,1m² nhưng chưa xem xét, đảm bảo lối đi đối với phần diện tích đất còn lại phía sau cho các con của ông M4, ông E là chưa đảm bảo quyền lợi của phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là chưa giải quyết toàn diện vụ án.

[2.4] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, đưa thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và chưa giải quyết lối đi; cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, do đó cần

hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết vụ án sơ thẩm lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên ông Nguyễn Văn Ê, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị L3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Riêng bà Nguyễn Thị N8 là người cao tuổi và có đơn xin nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Ê và bà Nguyễn Thị P được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008930 ngày 04/12/2024; bà Nguyễn Thị L3 được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009016 ngày 24/12/2024 cùng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV & THA;
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Văn phòng; Tòa Dân sự, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy Hồng